

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2021
“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 29/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đỗ Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Đức C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh C có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, tại phiên tòa chị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh C do quen biết nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2006, không đăng ký chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng

căng thẳng. Chị L và anh C đã sống ly thân với nhau hơn khoảng 04 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2007. Hiện con đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Theo Tờ tự khai ngày 10/12/2021 và Biên bản hòa giải ngày 10/12/2021, anh Chính trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C và chị L có tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân, chung sống năm 2006. Do vợ chồng bận công việc làm ăn, không có thời gian đi đăng ký kết hôn.

Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có lời qua tiếng lại, mâu thuẫn không trầm trọng, nhưng không hàn gắn được và ly thân nay khoảng 5 năm.

Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có được một con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2007. Hiện con đang sống chung với chị L. Anh C đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con, anh C không cấp dưỡng nuôi con, anh C làm được nhiều anh C sẽ tự cho con. Anh C yêu cầu chị L cho anh C được thăm con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L, anh C thống nhất kết hôn năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn, trong cuộc sống có mâu thuẫn, đến khoảng năm 2016 ly thân cho đến nay. Chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

Xét thấy, chị L và anh C chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là không hợp pháp. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Đức C.

[2.2] Về quan hệ nuôi con:

Chị L và anh C thống nhất có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2007, hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Theo ý kiến của cháu Trần Thị Bảo N, khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với chị L. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải và Tờ tự khai ngày 10/12/2021, anh C đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Thị Bảo N.

Xét yêu cầu của chị L, về tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2007 là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh C trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ: Chị L và anh C trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Đức C.

[2]. Về quan hệ nuôi con: Chị Đỗ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/7/2007.

Anh Trần Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đỗ Thị L không có yêu cầu.

Về quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[4]. Về quan hệ nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001764 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đức C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đường sự;
- Lưu HSVA (Q).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Dũng